

Bản án số: 22/2022/DS-PT

Ngày: 18 - 01 - 2022

V/v: Tranh chấp thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Tiến Dũng**

Các Thẩm phán: Ông **Vũ Viết Văn**

Bà **Nguyễn Thị Lan Anh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Thu Hương** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà **Nguyễn Mai Thanh** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18/01/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 351/2021/TLPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2021 về “Tranh chấp thừa kế tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 105/2021/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện CM4, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 452/2021/QĐ-PT ngày 23 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **TTS1**, sinh năm 1965; (có mặt)

HKTT và nơi cư trú: Đội 3, xóm TĐ2, thôn 1, xã QB3, huyện CM4, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Sâm: Luật sư **Trịnh Thị Hiền**; (có mặt), luật sư **Nguyễn Hào Hiệp**; (vắng mặt), luật sư **Vũ Văn Quyết**; (vắng mặt), Công ty Luật TNHH Hiệp Thành.

Địa chỉ: Tầng 6 số nhà 16 ngõ 204 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.

Bị đơn: Ông **TDC5**, sinh năm 1968; (vắng mặt)

HKTT và nơi cư trú: Đội 3, xóm TĐ2, thôn 1, xã QB3, huyện CM4, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **TTX6**, sinh năm 1953; (có mặt)

Địa chỉ: Đội 2, ngõ Diệc, thôn 1, xã QB3, huyện CM4, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bà X6: Bà **TTS1**, sinh năm 1965; HKTT và nơi cư trú: Đội 3, xóm TĐ2, thôn 1, xã QB3, huyện CM4, thành phố Hà Nội.

2. Bà **TTT7**, sinh năm 1955; (có mặt)
Địa chỉ: Đội 4, xóm TĐ2, thôn 1, xã QB3, huyện CM4, Hà Nội.
3. Bà **TTT8**, sinh năm 1958; (vắng mặt)
Địa chỉ: số 284, đường KĐ9, phường HĐ10, quận TX11, thành phố Hà Nội.
Người đại diện theo ủy quyền của bà T8: Bà TTS1, sinh năm 1965; HKTT và nơi cư trú: Đội 3, xóm TĐ2, thôn 1, xã QB3, huyện CM4, thành phố Hà Nội.
4. Ông **TMC12**, sinh năm 1962; (có mặt)
Địa chỉ: Đội 1, thôn TB13, xã VT14, huyện UH15, thành phố Hà Nội.
5. Ông **TDV16**, sinh năm 1971; (vắng mặt)
Địa chỉ: số 152C, đường THĐ17, thị trấn KS18, huyện BG19, thành phố HD20.
Người đại diện theo ủy quyền của ông C12, ông V16: Bà TTS1, sinh năm 1965; HKTT và nơi cư trú: Đội 3, xóm TĐ2, thôn 1, xã QB3, huyện CM4, thành phố Hà Nội.
6. Bà **TTN21**, sinh năm 1974; (có mặt)
Địa chỉ: Đội 11, thôn LH22, xã QB3, huyện CM4, Hà Nội.
Người đại diện theo ủy quyền của bà N21: Bà TTT7, sinh năm 1955; Địa chỉ: Đội 4, xóm TĐ2, thôn 1, xã QB3, huyện CM4, Hà Nội.
7. Bà **NTT23**, sinh năm 1971; (vắng mặt)
8. Chị **TTP24**, sinh 1997; (vắng mặt)
9. Anh **TDP25**, sinh năm 2002; (vắng mặt)
Cùng HKTT và nơi cư trú: Đội 3, xóm TĐ2, thôn 1, xã QB3, huyện CM4, thành phố Hà Nội.
Do có kháng cáo của bà TTS1, ông TDV16, bà TTN21, bà TTX6, bà TTT8, ông TMC12, bà TTT7.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo Bản án dân sự sơ thẩm, vụ án có nội dung như sau:

** Theo đơn khởi kiện, các lời khai và các văn bản tố tụng khác tại Tòa án nguyên đơn là bà TTS1 trình bày:*

Bố bà là cụ TDG26 (chết năm 1989), mẹ bà là cụ TTQ27, thường gọi là Rỏ (chết ngày 12/10/2015). Cụ G26 và cụ Q27 có 8 người con gồm: TDC12, TDV16, TDC5, TTS1, TTX6, TTT7, TTT8, TTN21. Cụ G26 và cụ Q27 không có con nuôi, không có con riêng.

Cụ G26, cụ Q27 chết không để lại di chúc.

Cụ G26, cụ Q27 để lại di sản gồm: quyền sử dụng thửa đất số 157, tờ bản đồ số 01b, tại xóm TĐ2, thôn 1, xã QB3, huyện CM4, Hà Nội chưa được cấp GCNQSD đất, trên thửa đất có 4 gian nhà cấp 4 đã xuống cấp.

Nay bà khởi kiện yêu cầu giải quyết: Chia di sản thừa kế Cụ G26, cụ Q27 để lại là: quyền sử dụng thửa đất số 157, tờ bản đồ số 01b, tại xóm TĐ2, thôn 1, xã QB3, huyện CM4, Hà Nội, bà xin được hưởng bằng hiện vật.

Ngoài ra, bà không yêu cầu chia di sản nào khác của Cụ G26, cụ Q27.

Tại bản tự khai của bị đơn ông TDC5 trình bày: Về quan hệ huyết thống đúng như bà Sâm đã trình bày.

Di sản của bố mẹ ông Cụ G26, cụ Q27 để lại gồm: quyền sử dụng thửa đất số 157, tờ bản đồ số 01b, tại xóm TĐ2, thôn 1, xã QB3, huyện CM4, Hà Nội chưa được cấp GCNQSD đất, trên thửa đất có 4 gian nhà cấp 4 đã xuống cấp.

Cụ G26, cụ Q27 chết không để lại di chúc.

Gia đình đã nhiều lần họp để thống nhất việc chia di sản Cụ G26, cụ Q27 để lại, nhưng sau đó lại không thống nhất.

Vì ông sống với bố mẹ từ bé cho đến khi lớn lên tham gia quân ngũ từ năm 1987 đến năm 1989, năm 1989 bố ông mất, còn lại một mình mẹ ông năm đó 55 tuổi đã già yếu ông trưởng thành là lao động chính trong gia đình. Năm 1992 ông lấy vợ và sinh được 03 người con (02 gái, 01 trai); năm 2001 em gái út là cô TTN21 đi lấy chồng, chị gái ông là bà TTS1 cũng đi giúp việc gia đình ngoài Hà Nội. Từ đó mẹ ông sống với vợ chồng ông. Mọi sinh hoạt ăn uống, ngủ nghỉ đều do gia đình ông trông nom và chăm sóc mẹ ông cho đến khi mẹ ông mất (năm 2015).

Nay ông đề nghị phân chia di sản thừa kế Cụ G26, cụ Q27 để lại là: quyền sử dụng thửa đất số 157, tờ bản đồ số 01b, tại xóm TĐ2, thôn 1, xã QB3, huyện CM4, Hà Nội, ông xin được hưởng bằng hiện vật để thờ cúng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà TTT7, bà TTT8, bà TTX6, ông TMC12, bà TTN21 trình bày: các ông bà thống nhất lời trình bày của bà Sâm về quan hệ huyết thống, về di sản thừa kế. Đề nghị phân chia di sản thừa kế Cụ G26, cụ Q27 để lại là: quyền sử dụng thửa đất số 157, tờ bản đồ số 01b, tại xóm TĐ2, thôn 1, xã QB3, huyện CM4, Hà Nội theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà NTT23 (vợ ông Cảnh), chị TTP24 (con ông Cảnh) trình bày: nhất trí với ý kiến của ông TDC5.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 105/2021/ DS-ST ngày 28/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện CM4, thành phố Hà Nội đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của bà TTS1 đối với phần Di sản của cụ TDG26 và cụ TTQ27 diện tích đất là 151m², địa chỉ: tại xóm TĐ2, thôn 1, xã QB3, huyện CM4, Hà Nội chưa được cấp GCNQSD đất, trên thửa đất có 4 gian nhà cấp 4 đã xuống cấp, hiện đang do gia đình ông TDC5 và bà TTS1 trực tiếp quản lý sử dụng.

2. Xác nhận công tôn tạo duy trì ngôi nhà đang ở từ đó đến nay đối với gia đình ông TDC5 được hưởng số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và bà TTS1 số tiền là 50.000.000 đồng(Năm mươi triệu đồng).

3. Xác nhận hàng thừa kế thứ nhất của Cụ G26, cụ Q27 gồm: các ông, bà TDC12, TDV16, TDC5, TTS1, TTX6, TTT7, TTT8, TTN21 trị giá kỷ phần mỗi người được hưởng là: **176.588.625** đồng (Một trăm bảy mươi sáu ngàn năm trăm tám mươi tám ngàn sáu trăm hai mươi năm đồng).

4. Ghi nhận sự tự nguyện của các ông TDC12, ông TDV16, bà TTX6, bà TTT7, bà TTT8, bà TTN21 đều thống nhất tặng cho bà TTS1 được hưởng kỷ phần thừa kế của mình.

5. Giao bằng hiện vật:

+ Giao cho ông TDC5 kỷ phần thừa kế được hưởng và kỷ phần được hưởng là 60m² giới hạn bởi các điểm 3,4,5,6,7,8,3 các hướng;

- Bắc giáp nhà ông Thuật dài 4,7m
- Nam giáp ngõ dài 4,07m
- Đông giáp phần nhà bà Sâm dài 15,53m
- Tây giáp nhà bà Nội dài 14,34m

Tại thửa số số 157, tờ bản đồ số 01b, diện tích 151 m²; địa chỉ : tại xóm TĐ2, thôn 1, xã QB3, huyện CM4, Hà Nội chưa được cấp GCNQSD đất, trên thửa đất có 4 gian nhà cấp 4 đã xuống cấp, hiện đang do gia đình ông TDC5 và bà TTS1 trực tiếp quản lý sử dụng.

+ Giao bà TTS1 kỷ phần thừa kế được hưởng và kỷ phần được hưởng của những người liên quan tặng cho là 91m² giới hạn bởi các điểm 1,2,3,8,9,10,1 các hướng;

- Bắc giáp nhà ông Thuật dài 5,2m
- Nam giáp ngõ dài 5,5m
- Đông giáp phần nhà ông Hảo dài 17m
- Tây giáp phần đất chia cho ông Cảnh dài 15,53m.

Tại thửa đất số 157, tờ bản đồ số 01b, diện tích 151m²; địa chỉ: tại xóm TĐ2, thôn 1, xã QB3, huyện CM4, Hà Nội chưa được cấp GCNQSD đất, trên thửa đất có 4 gian nhà cấp 4 đã xuống cấp, hiện đang do gia đình ông TDC5 và bà TTS1 trực tiếp quản lý sử dụng.

6. Bà TTS1 và ông TDC5 có trách nhiệm đến cơ quan, tổ chức có thẩm quyền để làm thủ tục nhà đất theo quy định của pháp luật.

7. Ông TDC5 phải có trách nhiệm thanh toán phần chênh lệch diện tích đất kỷ phần được hưởng cho bà TTS1 373.411.375 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo, thi hành án của các đương sự.

- Không đồng ý với quyết định của bản án dân sự sơ thẩm, bà TTS1, ông TDV16, bà TTN21, bà TTX6, bà TTT8, ông TMC12, bà TTT7 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 105/2021/DS-ST ngày 28/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện CM4.

Những vấn đề cụ thể trong đơn kháng cáo yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: xem xét và tiến hành phân chia di sản thừa kế của ông TDG26 và bà TTQ27 theo quy định của pháp luật, theo đó giao toàn bộ quyền sử dụng đối với diện tích đất nêu trên cho bà TTS1, bà Sâm có trách nhiệm thanh toán giá trị phần quyền sử dụng đất mà ông TDC5 được hưởng theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận giải quyết vụ kiện, không xuất trình các tài liệu chứng cứ nào khác. Các đương sự kháng cáo vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, không chấp nhận việc ông Cảnh được chia 60m² đất và công tôn tạo duy trì nhà 50.000.000 đồng và đề nghị chia chung kỷ phần thừa kế được hưởng trừ kỷ phần của ông Cảnh.

Luật sư đại diện cho nguyên đơn phát biểu và đề nghị: Bà Sâm có quyền yêu cầu phân chia di sản do cụ TDG26 và cụ TTQ27 là quyền sử dụng thửa đất số 157, tờ bản đồ số 01b, diện tích 151m² có địa chỉ tại xóm TĐ2, thôn 1, xã QB3, huyện CM4, Hà Nội chưa được cấp GCNQSD đất theo quy định của pháp luật. Những người thừa kế của bà Sâm mỗi người có quyền được hưởng tương đương 18,87 m² đất. Bà Sâm và các đồng thừa kế khác được hưởng phần di sản là hiện vật và được hưởng công sức quản lý di sản, trừ phần di sản ông Cảnh được hưởng. Đề nghị Tòa chia chung cho các đương sự bằng hiện vật. Các đương sự xác định đối với phần di sản thừa kế được hưởng không cho bà Sâm mà đề nghị Tòa án chia gộp chung với phần của bà Sâm được hưởng, trừ phần của ông Cảnh.

Đối với phần di sản của ông Cảnh được hưởng không đảm bảo diện tích đất tối thiểu để tách thửa theo quy định của pháp luật nên đề nghị chia cho ông Cảnh kỷ phần được hưởng bằng giá trị. Tòa án cấp sơ thẩm chia di sản thừa kế cho ông Cảnh 60m² và công sức 50.000.000 đồng là không phù hợp. Đề nghị sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký Toà án và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu chia kỷ phần chung vào một khối của nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tòa án cấp sơ thẩm chia kỷ phần cho bị đơn là ông Cảnh bằng hiện vật và công sức tôn tạo là có căn cứ. Xác định một giếng nước là của ông Cảnh. Căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ kiện, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về tố tụng:

Kháng cáo của bà TTS1, ông TDV16, bà TTN21, bà TTX6, bà TTT8, ông TMC12, bà TTT7 đối với bản án dân sự sơ thẩm số 105/2021/DS-ST ngày 28/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện CM4, thành phố Hà Nội trong thời hạn và đã thực hiện theo các quy định của pháp luật.

Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do và không có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Hội đồng xét xử phúc thẩm xét nội dung kháng cáo của bà TTS1, ông TDV16, bà TTN21, bà TTX6, bà TTT8, ông TMC12, bà TTT7:

[2.1]. Về nguồn gốc tài sản:

Thửa đất số 157, tờ bản đồ số 01b, diện tích 151 m²; địa chỉ tại xóm TĐ2, thôn 1, xã QB3, huyện CM4, Hà Nội. Trên thửa đất có 4 gian nhà cấp 4 đã xuống cấp. Các đương sự đều không có tranh chấp về nguồn gốc đất và đều thừa nhận đất có nguồn gốc là của Cụ G26 và cụ Q27 (thường gọi là Rỗ) là bố, mẹ của bà TTS1, ông TDC5, ông TDC12, ông TDV16, ông TDC5, bà TTX6, bà TTT7, bà TTT8, bà TTN21 nên xác định thửa đất số 157, tờ bản đồ số 01b tại xóm TĐ2, thôn 1, xã QB3, huyện CM4, Hà Nội. Theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000: Đây là tài sản chung của Cụ G26, cụ Q27.

[2.2]. Về thời điểm mở thừa kế, thời hiệu và hàng thừa kế:

Cụ TDG26 (chết năm 1989), cụ TTQ27, thường gọi là Rỗ (chết ngày 12/10/2015) không để lại di chúc. Thời điểm mở thừa kế của cụ TTQ27 (chết ngày 12/10/2015). Theo quy định của Điều 623, Điều 650 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản đối với bất động sản là 30 năm.

Những người thừa kế thứ nhất của Cụ G26 và cụ Q27 có 08 người con đẻ là: các ông, TDC12, ông TDV16, ông TDC5, bà TTS1, bà TTX6, bà TTT7, bà TTT8, bà TTN21. Cụ G26 và cụ Q27 không có con riêng, con nuôi nào khác.

[2.3]. Di sản thừa kế: xác định di sản của cụ TDG26 và cụ TTQ27 bao gồm:

- Tài sản quyền sử dụng đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhà trên thửa đất có 4 gian nhà cấp 4 đã xuống cấp thửa đất số 157, tờ bản đồ số 01b, diện tích 151 m²; địa chỉ: xóm TĐ2, thôn 1, xã QB3, huyện CM4, Hà Nội, chưa được cấp GCNQSD đất, hiện đang do gia đình ông TDC5 và bà TTS1 trực tiếp quản lý sử dụng.

* Căn cứ Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản giá ngày 18/03/2021 của Tòa án cấp sơ thẩm, tài sản quyền sử dụng đất tranh chấp có ranh giới tiếp giáp như sau:

+ Phía Bắc giáp nhà ông Nguyễn Hữu Thuật

+ Phía Nam giáp ngõ đi

+ Phía Đông giáp nhà ông Trần Duy Hào

+ Phía Tây giáp nhà bà Tạ Thị Nội.

* UBND xã QB3 cung cấp:

- Bản đồ giải thửa đo đạc năm 1985, chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Bản đồ tổng thể đo năm 2018, chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Thửa đất hiện chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Về nguồn gốc đất: Theo bản đồ giải thửa năm 1985, thể hiện thửa đất đang tranh chấp là thửa đất số 157, tờ bản đồ số 01b đứng tên bà Rỗ (tên gọi khác là bà TTQ27) diện tích 160m². Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án huyện CM4 ngày 18/3/2021 và Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội ngày 23/11/2021 thì diện tích thực tế là 151m².

- Về việc diện tích thửa đất đo theo hiện trạng là 151m², giảm so với với bản đồ giải thửa năm 1985 (160m²) giảm 9m², do nguyên nhân sau: Thời điểm đo bản đồ giải thửa năm 1985 đo đạc bằng tay và tính phương pháp thủ công, khi đo vương bờ rào, bờ dậu.

- Ngày 18/3/2021 Hội đồng định giá cấp sơ thẩm xác định giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại địa phương theo giá thị trường tại thời điểm định giá là 10.000.000 đồng/m². Tổng giá trị quyền sử dụng đất theo hiện trạng là 151m² x 10.000.000 đ/m² = 1.510.000.000 đ/m² (Một tỷ năm trăm mười triệu đồng chẵn).

Các tài sản trên đất của Cụ G26, cụ Q27 tạo dựng hiện đã hết khấu hao chỉ còn giá trị quyền sử dụng đất là: 1.510.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá phù hợp với quy định của pháp luật và không có đương sự nào có ý kiến gì khác.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và các đương sự đều thừa nhận giếng khơi do ông TDC5 làm, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tính giá trị của giếng khơi 2.709.000 đồng là di sản thừa kế của các cụ để lại là không chính xác mà phải xác định giá trị giếng khơi là tài sản của ông Cảnh.

- Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: Đối với gia đình ông TDC5 và bà TTS1 là người có thời gian sinh sống trên thửa đất ngôi nhà đang ở từ đó tới nay có công duy trì bảo quản tôn tạo nhà cửa trên đất nên được hưởng số tiền tổng cộng là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng); Các đương sự cũng thừa nhận gia đình ông Cảnh cũng cải tạo lại một phần khu vực chăn nuôi trước nhà thành nhà vệ sinh để phục vụ sinh hoạt.

Về chi phí chăm sóc ốm đau, tang ma cho cụ Q27, Cụ G26 các đương sự đều thống nhất các con của hai cụ đều có trách nhiệm lo tang ma cho hai cụ, không yêu cầu tòa xem xét. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông TDC5 và bà TTS1 mỗi người hưởng số tiền công sức tôn tạo, duy trì 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) là phù hợp.

Căn cứ khoản 2 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015, mỗi thừa kế hàng thứ nhất của ông Giá, bà Quế được hưởng kỷ phần là :

$1.510.000.000 \text{ đồng} - 100.000.000 \text{ đồng} : 8 \text{ người con} = 176.250.000 \text{ đồng}$
(Một trăm bảy mươi sáu triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng)

Xác nhận mỗi thừa kế được hưởng kỷ phần là: 176.250.000 đồng (Một trăm bảy mươi sáu triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của ông TDC12, ông TDV16, bà TTX6, bà TTT7, bà TTT8, bà TTN21 tặng cho bà TTS1 được hưởng kỷ phần thừa kế của mình. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm các ông bà trên xác định: Trước đây có ý kiến là giao kỷ phần hưởng di sản đối với quyền sử dụng thửa đất số 157, tờ bản đồ số 01B, địa chỉ xóm TĐ2, thôn 1, xã QB3, huyện CM4, thành phố Hà Nội cho bà TTS1 được hưởng và quản lý sử dụng. Tuy nhiên, hiện nay các ông bà đề nghị được hưởng kỷ phần thừa kế bằng hiện vật nhưng gộp chung vào phần di sản mà bà Sâm được hưởng để cùng quản lý và sử dụng chung chứ không cho bà Sâm, án phí của ai người đó chịu. Xét thấy yêu cầu trên của các đương sự là tự nguyện và phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

+ Bà TTS1 và các đồng thừa kế được hưởng kỷ phần của mình và giá trị công sức tôn tạo, duy trì di sản của bà Sâm cụ thể như sau:

$50.000.000 \text{ đồng} + 176.250.000 \text{ đồng} \times 7 \text{ người} = 1.283.750.000 \text{ đồng}.$

+ Ông TDC5 được hưởng giá trị kỷ phần và giá trị công sức tôn tạo, duy trì di sản, giá trị giếng khơi là:

$50.000.000 \text{ đồng} + 176.250.000 \text{ đồng} + 2.709.000 \text{ đồng} = 228.959.000 \text{ đồng}.$

[2.4]. *Về chia hiện vật*: Xét thấy diện tích phần di sản của Cụ G26 và Quế nhà đất thửa đất số 157, tờ bản đồ số 01b, diện tích 151m²; địa chỉ: xóm TĐ2, thôn 1, xã QB3, huyện CM4, Hà Nội chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các đương sự đều yêu cầu chia bằng hiện vật. Đối với ông TDC12, ông TDV16, bà TTX6, bà TTT7, bà TTT8, bà TTN21, bà TTS1 đề nghị được chia chung. Riêng ông TDC5 Nếu chia bằng hiện vật thì được hưởng tương đương 18,9m² đất, không cấp được sổ đỏ theo quy định tại khoản 1, Điều 5, Quyết định số 20/2017 của UBND thành phố Hà Nội. Ông TDC5 không có nơi ở nào khác, do đó, cần phải chia cho ông Cảnh diện tích đất tương đương theo khoản 1, Điều 5, Quyết định số 20/2017 của UBND thành phố Hà Nội. Ông TDC5 có trách nhiệm thanh toán phần chênh lệch so với kỷ phần được hưởng cho các đồng thừa kế. Các thừa kế được hưởng tài sản trên diện tích được chia. Tòa án cấp sơ thẩm chia cho ông Cảnh hưởng diện tích đất 60m²

lớn hơn 1/3 diện tích đất, phần còn lại chia cho 7 thừa kế khác 91m² diện tích đất chưa bằng 2/3 của diện tích đất là chưa hợp lý. Do vậy, cần sửa bản án sơ thẩm, chia lại bằng hiện vật cho các đương sự, cụ thể như sau:

* Chia cho ông Cảnh hưởng diện tích là 51.3m² đất. Giới hạn bởi các điểm: 1-1' = 3,55m; 1'-8=15,32m; 8-9=3,43m; 9-1= 14,37m (có sơ đồ kèm theo). Ông Cảnh phải tự tạo cổng ra đường đi chung và được sở hữu tài sản trên diện tích được chia.

Phần diện tích đất ông Cảnh được chia có giá trị là:

$$51.3\text{m}^2 \times 10.000.000\text{đồng/m}^2 = 513.000.000 \text{ đồng.}$$

* Chia chung cho ông TDC12, ông TDV16, bà TTX6, bà TTT7, bà TTT8, bà TTN21, bà TTS1 99.7m² đất và được sở hữu tài sản trên diện tích được chia. Giới hạn bởi các điểm: 1'-2= 5,7m; 2-3= 0,56m; 3-4= 6,18m; 4-5= 3,52m; 5-6= 6,74m; 6-7= 4,59m; 7-8= 1,55m; 8-1' = 15,32m (có sơ đồ kèm theo).

Phần diện tích đất ông C12, ông V16, bà X6, bà Thực, bà T8, bà N21, bà Sâm được chia chung có giá trị là:

$$99.7\text{m}^2 \times 10.000.000\text{đồng/m}^2 = 997.000.000 \text{ đồng.}$$

Các bên tự xây ngăn trên phần diện tích được chia.

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan, tổ chức có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[2.5]. Về thanh toán chênh lệch kỷ phần được hưởng:

Ông Cảnh phải thanh toán giá trị tài sản được chia so với kỷ phần thừa kế được hưởng cho ông C12, ông V16, bà X6, bà Thực, bà T8, bà N21, bà Sâm được chia chung có tổng giá trị là:

$$513.000.000\text{đồng} - 228.959.000\text{đồng} = 284.041.000\text{đồng.}$$

Ông C12, ông V16, bà X6, bà Thực, bà T8, bà N21 và bà Sâm cùng thống nhất số tiền trên ông Cảnh phải thanh toán toàn bộ cho bà Sâm.

Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bà TTS1, ông TDV16, bà TTN21, bà TTX6, bà TTT8, ông TMC12, bà TTT7 và sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện CM4, thành phố Hà Nội.

Phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm.

[3]. Về án phí:

Bà TTX6 và bà TTT7, bà TTT8 có đơn xin miễn án phí với lý do người cao tuổi. Theo quy định điểm đ khoản 1 điều 12 nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội. Miễn án phí cho bà X6, bà Thực, bà T8.

Bà TTS1, TDC5, ông TMC12, ông TDV16, bà TTN21 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 26, khoản 1 Điều 38, Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Điều 611, Điều 612, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 15 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1959; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 105/2021/DS-ST ngày 28/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện CM4, thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của bà TTS1 đối với phần di sản của cụ TDG26 và cụ TTQ27 diện tích đất là 151m², địa chỉ: xóm TĐ2, thôn 1, xã QB3, huyện CM4, thành phố Hà Nội.

2. Xác nhận giá trị công tôn tạo, duy trì di sản là 50.000.000 đồng; giá trị giếng khơi là 2.709.000 đồng ông TDC5 được hưởng và bà TTS1 được hưởng công tôn tạo, duy trì di sản giá trị là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

3. Xác nhận hàng thừa kế thứ nhất của Cụ G26, cụ Q27 gồm: các ông, bà TDC12, TDV16, TDC5, TTS1, TTX6, TTT7, TTT8, TTN21 trị giá kỷ phần mỗi người được hưởng là: 176.250.000 đồng (Một trăm bảy mươi sáu triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng).

4. Ghi nhận sự tự nguyện của các ông TDC12, ông TDV16, bà TTX6, bà TTT7, bà TTT8, bà TTN21, bà TTS1 chia chung kỷ phần thừa kế được hưởng.

+ Bà TTS1 và các đồng thừa kế TDC12, TDV16, TTX6, TTT7, TTT8, TTN21 được chia kỷ phần của mình và giá trị công sức tôn tạo, duy trì di sản của bà Sâm cụ thể như sau:

$50.000.000\text{đồng} + 176.250.000\text{đồng} \times 7 \text{ người} = 1.283.750.000\text{đồng}.$

+ Ông TDC5 được chia giá trị kỷ phần và giá trị công sức tôn tạo, duy trì di sản; giá trị giếng khơi là:

$50.000.000\text{đồng} + 176.250.000\text{đồng} + 2.709.000\text{đồng} = 228.959.000\text{đồng}.$

5. Chia bằng hiện vật cụ thể:

- Chia chung cho ông TDC12, ông TDV16, bà TTX6, bà TTT7, bà TTT8, bà TTN21, bà TTS1 99.7m² đất và được sở hữu tài sản trên diện tích được chia. Giới hạn bởi các điểm: 1'-2= 5,7m; 2-3= 0,56m; 3-4= 6,18m; 4-5= 3,52m; 5-6= 6,74m; 6-7= 4,59m; 7-8= 1,55m; 8-1'= 15,32m.

Phần diện tích đất ông C12, ông V16, bà X6, bà Thục, bà T8, bà N21, bà Sâm được chia chung có giá trị là:

$99.7\text{m}^2 \times 10.000.000\text{đồng}/\text{m}^2 = 997.000.000 \text{ đồng}.$

- Chia cho ông Cảnh hưởng diện tích là $51.3m^2$ đất. Giới hạn bởi các điểm: 1-1' = 3,55m; 1'-8=15,32m; 8-9=3,43m; 9-1= 14,37m. Ông Cảnh phải tự tạo cổng ra đường đi chung và được sở hữu tài sản trên diện tích được chia.

Phần diện tích đất ông Cảnh được chia có giá trị là:

$$51.3m^2 \times 10.000.000\text{đồng}/m^2 = 513.000.000 \text{ đồng}.$$

- Các bên tự xây ngăn trên phần diện tích được chia.

- Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan, tổ chức có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

6. Thanh toán chênh lệch kỷ phần được hưởng:

Ông Cảnh phải thanh toán giá trị tài sản được chia so với kỷ phần thừa kế được hưởng cho ông C12, ông V16, bà X6, bà Thục, bà T8, bà N21, bà Sâm có tổng giá trị là: 513.000.000đồng - 228.959.000đồng = 284.041.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông C12, ông V16, bà X6, bà Thục, bà T8, bà N21 và bà Sâm cùng thống nhất: Số tiền 284.041.000 đồng, ông Cảnh có trách nhiệm thanh toán toàn bộ cho bà Sâm.

7. Án phí:

- Bà TTS1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 8.812.500 đồng. Được trừ số tiền bà TTS1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010498 ngày 11/01/2021 tại cơ quan thi hành án dân sự huyện CM4. Bà TTS1 còn phải nộp số tiền là 7.812.500 đồng.

- Bà TTX6, bà TTT7, bà TTT8 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông TDC5, ông TMC12, ông TDV16, bà TTN21 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm mỗi người là 8.812.500 đồng (chưa nộp).

- Hoàn trả bà TTS1, ông TDV16, bà TTN21, bà TTX6, bà TTT8, ông TMC12, bà TTT7 số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0075275; 0075276; 0075280; 0075279; 0075278; 0075277; 0075281 ngày 19/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CM4 ngày 19/7/2021.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại Điều 468 bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- TAND huyện CM4;
- Chi cục THADS huyện CM4;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Mai Tiến Dũng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

